TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST Ngày 26 - 7 - 2023. V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Thất Hưng

Ông Hoàng Đức Quang

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 1, tổ 3, ấp 1, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Lâm Vĩ C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 1, tổ 3, ấp 1, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(anh C, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết N trình bày:***

Chị và anh Lâm Vĩ C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng đến năm 2015 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 125/2015 ngày 04/9/2015. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do

anh C thường xuyên ăn nhậu về chửi bới đánh đập chị, hai bên đã ngồi lại nói chuyện nhiều lần nhưng không được, bất đồng quan điểm sống ngày càng gay gắt không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lâm Vĩ Đ, sinh ngày 28/7/2004 và Lâm Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/4/2013, khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu N1, còn cháu Đ đã đủ tuổi trưởng thành và hiện tại đang sống chung với anh C, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Lâm Vĩ C không có lời khai tại tòa:***

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Ngô Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lâm Vĩ C.

Về con chung: Giao con chung tên là Lâm Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/4/2013 cho chị N nuôi dưỡng, tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:**

1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Chị Ngô Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lâm Vĩ C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt và không có lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh C.

[2] ***Về nội dung vụ án*:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Tuyết N và anh Lâm Vĩ C là hợp

pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh C, vì chị N cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh C còn đánh chị, dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lâm Vĩ Đ, sinh ngày 28/7/2004 (cháu Đ đã trưởng thành) và Lâm Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/4/2013, khi ly hôn chị N yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu N1, phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 là đề nghị xin được ở với mẹ vì ba thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mẹ, ba mẹ hay cãi nhau. Xét thấy việc nuôi dưỡng dạy dỗ con chung là trách nhiệm của người làm cha và làm mẹ, nay chị N đề nghị xin được nuôi cháu N là phù hợp với nguyện vọng của con chung, hiện tại cháu N1 là con gái và đã lớn, nên giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với tâm sinh lý và lứa tuổi của cháu N1, hiện tại cháu Đ đã đủ tuổi trưởng thành nhưng cháu Đ vẫn do anh C chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp, chị N đã nộp đủ.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; Điều 227; 238; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Ngô Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lâm Vĩ C.

2. ***Về con chung:***

- Giao cháu Lâm Thị Tuyết N, sinh ngày 13/4/2013 cho chị N trực tiếp trông nom chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lâm Vĩ C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung:*** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005045 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị N đã nộp đủ.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Phú Hưng;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Trung Chiến